

Bản án số:107/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 3 - 2020

“V/v ly hôn giữa

Bà Ng và ông Th ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc Anh.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

-Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thiện Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang.

Ngày 24 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 47/2020/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 02 năm 2020 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình – ly hôn*”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐXX - ST ngày 02 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Ng, sinh năm 1964(vắng mặt).

Địa chỉ: Số 2378, tổ 2, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Trương Ngọc Th, sinh năm 1950(vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Hi, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn ngày 16/12/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Bà Võ Thị Ng trình bày:

Bà Ng và ông Th sau thời gian tìm hiểu, được sự đồng ý của cha mẹ hai bên nên tổ chức lễ cưới vào tháng 7/1987 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc về sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, lối sống của bà và gia đình chồng không phù hợp nên 1990 Bà Ng bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, vợ chồng ly thân từ đó. Nay tình cảm không còn Bà Ng yêu cầu ly hôn với ông Th .

Con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Trương Thanh Hiền, sinh năm 1989 và Trương Hoàng Vũ, sinh năm 1990 con chung đều đã thành niên và có cuộc sống tự lập.

Về tài sản chung, nợ phải thu, phải trả chung: Không.

Ngày 19/02/2020 Bà Ng có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 19/02/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Ông Trương Ngọc Th trình bày:

Ông thống nhất lời trình bày của Bà Võ Thị Ng về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, ly thân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Nay Bà Ng yêu cầu ly hôn, ông Th đồng ý. Do bận đi làm, xin vắng mặt cho đến khi Tòa án xét xử xong.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Bà Ng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Th nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Ông Th với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại Ấp Hi, xã P, huyện P, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Võ Thị Ng và Ông Trương Ngọc Th có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử, quyết định xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ông Th và Bà Ng chung sống vợ chồng vào tháng 07 năm 1987, không có đăng ký kết hôn. Bà Ng và ông Th chung sống vợ chồng có đủ điều kiện đăng ký kết hôn, nhưng không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa Bà Ng và ông Th là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà Ng, ông Th thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên Trương Thanh Hiền, sinh năm 1989 và Trương Hoàng Vũ, sinh năm 1990 con chung hiện đã trưởng thành và lao động được, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không.

[5] Về nợ phải thu, phải trả chung của vợ chồng: Không.

Ghi nhận Bà Ng và ông Th xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[6] Về án phí: Bà Ng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.
Vi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 14; Điều 53 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa Bà Võ Thị Ng và Ông Trương Ngọc Th là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Ng, ông Th thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên Trương Thanh Hiền, sinh năm 1989 và Trương Hoàng Vũ, sinh năm 1990 con chung hiện đã trưởng thành và lao động được, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không.

4. Về nợ phải thu, phải trả chung của vợ chồng: Không.

5. Về án phí: Bà Võ Thị Ng phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006458 ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P. Bà Ng không còn nộp thêm án phí.

Ông Trương Ngọc Th không phải chịu án phí.

Bà Ng, ông Th vắng mặt tại phiên tòa, thời kháng cáo đối với bản án là 15 ngày tính từ ngày ông, bà nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện P;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Ngọc Thảo